

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
để triển khai Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc Nghĩa trang
nhân dân huyện Tuy Phước của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 01/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 161/TTr-SNN ngày 04/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để khai thác đất san lấp để triển khai Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh với những nội dung như sau:

1. Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng: 8,325 ha.

2. Địa điểm: Khoảnh 2, tiểu khu 312A, xã Phước Lộc; khoảnh 1, tiểu khu 319, xã Phước An, huyện Tuy Phước; trong đó: diện tích xã Phước Lộc: 3,241 ha; xã Phước An: 5,084 ha.

3. Quy hoạch

- Rừng sản xuất: 0,018 ha;

- Rừng sản xuất đã quy hoạch cho mục đích sử dụng khác: 8,307 ha.

4. Hiện trạng: Rừng trồng 7,32 ha, đất đã khai thác rừng trồng 1,005 ha.

5. Ranh giới: Được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiều 3 độ.

STT	X	Y	STT	X	Y
1	593.735,31	1.530.986,87	11	594.057,83	1.531.103,49
2	593.750,19	1.531.033,34	12	593.906,46	1.530.958,53
3	593.748,22	1.531.066,96	13	593.904,07	1.530.943,63
4	593.837,87	1.531.157,81	14	594.095,42	1.530.768,31
5	593.941,06	1.531.220,93	15	594.072,55	1.530.733,02
6	593.992,73	1.531.228,29	16	594.036,28	1.530.787,53
7	594.015,25	1.531.235,67	17	594.002,33	1.530.808,69
8	594.015,43	1.531.216,03	18	593.981,24	1.530.785,63
9	594.033,15	1.531.216,33	19	593.870,60	1.530.839,10
10	594.095,97	1.531.139,38	20	593.778,48	1.530.929,18

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp, hướng dẫn đơn vị liên quan và Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (Tăng/Giảm) theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, Giám đốc Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh